

ĐỀ THI THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 7
MÔN: TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Exercise 1: Choose the word which has the different sound in the underlined part.

- | | | | |
|--------------------------|------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| 1. A. adv <u>i</u> ce | B. p <u>r</u> ice | C. dec <u>i</u> de | D. pol <u>i</u> ce |
| 2. A. s <u>u</u> re | B. s <u>i</u> nk | C. sp <u>e</u> cial | D. s <u>u</u> rb |
| 3. A. br <u>a</u> k | B. m <u>e</u> an | C. rep <u>e</u> at | D. p <u>e</u> aceful |
| 4. A. hol <u>i</u> day | B. m <u>o</u> der <u>n</u> | C. ed <u>u</u> cate | D. cal <u>e</u> nd <u>a</u> r |
| 5. A. t <u>a</u> lkative | B. ro <u>o</u> st <u>e</u> r | C. furn <u>i</u> ture | D. fest <u>i</u> val |

Exercise 2: Choose the best answer A, B, C or D.

6. My father thinks we _____ paint our bedroom blue instead of orange.

- A. should B. may C. shoulds D. might

7. If you practise English conversations every day, I believe your speaking skill will get _____.

- A. good B. the better C. better D. gooder

8. My mom asks me to buy some fruit when we go to the _____ this afternoon.

- A. school B. bookshop C. post office D. supermarket

9. I live in a _____ neighbourhood. There are a lot of stores near my house.

- A. quiet B. peaceful C. quite D. noisy

10. Students _____ copy others' work during every examination.

- A. should B. shouldn't C. mustn't D. must

11. You should bring your _____ when you go to the beach to protect your skin.

- A. compass B. suncream C. sunburnt D. ice-cream

12. My foreign friends _____ really excited to celebrate Tet with us this year.

- A. be B. are C. is D. am

13. I don't think that you _____ up all night to study before the exam even though you feel nervous.

- A. should B. stay C. should stay D. should be

14. _____ apples do you have, little Max? – I have three.

- A. How much B. How C. What D. How many

15. "Mom, _____ flour do you need to make that cake?" – About 300 grams.

- A. How much B. How C. What D. How many

16. Mary always brings her blue pen to the examination. It is her _____ pen.

- A. lucky B. expensive C. better D. gooder

17. On New Year's _____, our family usually gather together and eat a big meal.

- A. night B. day C. Eve D. evenings

18. I really want to _____ Ha Long Bay when the pandemic ends.

- A. visits B. visit C. going D. go

19. We usually _____ our house with colorful plants and flowers in Tet.

- A. build B. express C. decorate D. decide

20. Nam, can you check the fridge for me please! Is there _____ milk left?

- A. some B. a bottle C. a can D. any

Exercise 3: Read the passage and choose the best answer (A, B, C or D) to fill in the blanks.

My neighbourhood is in the suburbs of Da Nang city. I like (21) _____ here because of many interesting things in my neighbourhood. There are many tall (22) _____ and big houses here. My neighbourhood also has many stores, two markets, a post office, a bank, a stadium so it is very (23) _____ for local people. There are many trees around here so the air is very fresh. In my neighbourhood there is a big flower field with many kinds of flowers, therefore it is very (24) _____ in the spring. Moreover the people here are friendly and (25) _____. The visitors always come to visit my neighbourhood and they want to stay here longer.

21. A. stay B. stays C. living D. lives
 22. A. buildings B. building C. shop D. store
 23. A. inconvenient B. comfort C. impossible D. convenient
 24. A. comfortable B. stinky C. beautiful D. warm
 25. A. unfriendly B. helpful C. cruel D. rude

Exercise 4: Read the passage then choose the best answer (A, B, C or D) to each question.

Experts think that it is a good idea for children to learn not just one, but two foreign languages. **They** say that learning two foreign languages develops children's minds and increases their knowledge of other culture. The experts also believe that the two foreign languages children learn should be completely different from one another, for example, English and Chinese, or French and Japanese. In addition, they say that children should start to learn foreign languages as early as possible, from the age of about six.

26. According to experts, children _____.

- A. shouldn't learn foreign languages
 B. should learn two foreign languages
 C. shouldn't learn more than two foreign languages
 D. should learn just one foreign language

27. What does the word "**they**" in bold refer to?

- A. children B. cultures C. languages D. experts

28. Children should learn _____.

- A. two foreign languages which are the same
 B. two foreign languages which are completely different from one another
 C. all other options are correct
 D. one language

29. Which of the following is not true?

- A. Learn foreign languages is good for children.
 - B. Children should start to learn foreign languages from the age of about six.
 - C. Children should start to learn foreign languages early.
 - D. Children should start to learn foreign languages late.
30. According to the experts, when should children begin exploring a new language?
- A. as early as possible
 - B. about six years old
 - C. not mentioned
 - D. about seven years old

Exercise 5: Identify the mistake in each sentence.

- 31. Despite being the youngest, Nam is the tall person in his family.
- 32. Because Mary listens to that song repeatedly, she never gets bored of it.
- 33. Would you like any yogurt after dinner? My mom has just made some.
- 34. Children should stay up late at night because they will feel tired the next day.
- 35. My parents always tell us that we shouldn't respect others' opinions and be kind to everyone around.

Exercise 6: Complete the second sentence so that it has the similar meaning to the first one.

- 36. It is good if we can use less plastic bags.
-> We should
- 37. Peter thinks reading books is more boring than watching movies.
-> Peter thinks
- 38. There are twenty-five classrooms in our school.
-> Our school.....
- 39. It is wrong of students to copy others' answers during examinations.
-> Students must
- 40. My neighbourhood is noisier than yours.
-> Your neighbourhood

-----THE END-----

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban Chuyên môn Loigiaihay.com

1. D	2. A	3. A	4. C	5. C
6. A	7. C	8. D	9. D	10. C
11. B	12. B	13. C	14. D	15. A
16. A	17. C	18. B	19. C	20. D
21. C	22. A	23. D	24. C	25. B
26. B	27. D	28. B	29. D	30. A
31. tall	32. Because	33. Because	34. should	35. shouldn't

36. use less the plastic bags.

37. watching movies is more interesting than reading books.

38. has twenty-five classrooms.

39. not copy others' answers during examinations..

40. is quieter than mine.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. D

Kiến thức: Cách phát âm “i”**Giải thích:**A. advice /əd'vaɪs/B. price /praɪs/C. decide /dɪ'saɪd/D. police /pə'li:s/

Phân gạch chân phương án D được phát âm là /i:/, còn lại phát âm là /aɪ/.

Chọn D.

2. A

Kiến thức: Cách phát âm “s”**Giải thích:**A. sure /ʃʊə(r)/B. sink /sɪŋk/C. special /'speʃl/D. suburb /'sʌbɜ:b/

Phân gạch chân phương án A được phát âm là /ʃ/, còn lại phát âm là /s/.

Chọn A.

3. A

Kiến thức: Cách phát âm “ea”**Giải thích:**

- A. break /breɪk/
- B. mean /mi:n/
- C. repeat /rɪ'pi:t/
- D. peaceful /'pi:sfl/

Phần gạch chân phương án A được phát âm là /eɪ/, còn lại phát âm là /i:/.

Chọn A.

4. C

Kiến thức: Cách phát âm “d”

Giải thích:

- A. holiday /'hɒlədeɪ/
- B. modern /'mɒdn/
- C. educate /'edʒukeɪt/
- D. calendar /'kælɪndə(r)/

Phần gạch chân phương án C được phát âm là /dʒ/, còn lại phát âm là /d/.

Chọn C.

5. C

Kiến thức: Cách phát âm “t”

Giải thích:

- A. talkative /'tɔ:kətɪv/
- B. rooster /'ru:stə(r)/
- C. furniture /'fɜ:nɪʃə(r)/
- D. festival /'festɪvl/

Phần gạch chân phương án C được phát âm là /tʃ/, còn lại phát âm là /t/.

Chọn C.

6. A

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

- A. should (v): nên
- B. may (v): có thể
- C. shoulds => sai ngữ pháp
- D. might (v): đã có thể

Tạm dịch: Cha tôi nghĩ rằng chúng tôi nên sơn phòng ngủ của mình màu xanh lam thay vì màu cam.

Chọn A.

7. C

Kiến thức: So sánh hơn

Giải thích:

get + tính từ so sánh: trở nên làm sao

so sánh hơn: "good" => "better"

Tạm dịch: Nếu bạn thực hành các đoạn hội thoại tiếng Anh mỗi ngày, tôi tin rằng kỹ năng nói của bạn sẽ ngày càng tốt hơn.

Chọn C.

8. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. school (n): trường học

B. bookshop (n): hiệu sách

C. post office (n): bưu điện

D. supermarket (n): siêu thị

Tạm dịch: Mẹ tôi bảo tôi mua một ít trái cây khi chúng tôi đi siêu thị vào chiều nay.

Chọn D.

9. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. quiet (adj): yên tĩnh

B. peaceful (adj): yên bình

C. quite (adv): khá, hơi

D. noisy (adj): ồn ào, âm ỉ

Tạm dịch: Tôi sống trong một khu phố ồn ào. Có rất nhiều cửa hàng gần nhà tôi.

Chọn D.

10. C

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

A. should: nên

B. shouldn't: không nên

C. mustn't: không được

D. must: phải

Tạm dịch: Học sinh không được sao chép bài của người khác trong mỗi kỳ kiểm tra.

Chọn C.

11. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. compass (n): cái com-pa, cái la bàn

B. suncream (n): kem chống nắng

C. sunburnt (n): cháy nắng

D. ice-cream (n): kem

Tạm dịch: Bạn nên mang theo kem chống nắng khi đi biển để bảo vệ làn da của mình.

Chọn B.

12. B

Kiến thức: Động từ “be”

Giải thích:

Thì hiện tại đơn với động từ “be”: I + am + cụm danh từ/ tính từ/ giới từ/ ...

You/ We/ They + are + cụm danh từ/ tính từ/ giới từ/ ...

He/ She/ It + is + cụm danh từ/ tính từ/ giới từ/ ...

Chủ ngữ “My foreign friends” – danh từ số nhiều

Tạm dịch: Những người bạn nước ngoài của tôi thực sự rất háo hức đón Tết cùng chúng tôi năm nay.

Chọn B.

13. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. should (v): nên

B. stay (v): ở tại

C. should stay: nên ở tại

D. should be: nên là

Cụm “stay up late”: thức khuya

Tạm dịch: Tôi không nghĩ rằng bạn nên thức cả đêm để học trước kỳ thi dù cho là bạn cảm thấy lo lắng.

Chọn C.

14. D

Kiến thức: Từ để hỏi

Giải thích:

A. How much + N không đếm được: Bao nhiêu

B. How: Như thế nào

C. What: Cái gì

D. How many + N đếm được dạng số nhiều: Bao nhiêu

“apples” – những quả táo => danh từ đếm được dạng số nhiều

Tạm dịch: Cháu có bao nhiêu quả táo hả Max? – Cháu có ba quả.

Chọn D.

15. A

Kiến thức: Từ để hỏi

Giải thích:

- A. How much + N không đếm được: Bao nhiêu
- B. How: Như thế nào
- C. What: Cái gì
- D. How many + N đếm được dạng số nhiều: Bao nhiêu

“flour” – bột mì => danh từ không đếm được

Tạm dịch: “Mẹ ơi, mẹ cần bao nhiêu bột mì để làm ra chiếc bánh đó?” - Khoảng 300 gam.

Chọn A.

16. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. lucky (adj): may mắn
- B. expensive (adj): đắt đỏ
- C. better (adj): tốt hơn
- D. gooder => sai ngữ pháp

Tạm dịch: Mary luôn mang theo cây bút màu xanh lam để làm bài kiểm tra. Đó là cây bút *may mắn* của cô ấy.

Chọn A.

17. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. night (n): ban đêm, buổi tối
- B. day (n): ngày
- C. Eve (n): tối
- D. evenings (n): các buổi tối

=> New Year's Eve: tối/ đêm giao thừa

Tạm dịch: Vào đêm giao thừa, gia đình chúng tôi thường quây quần bên nhau và ăn một bữa ăn thịnh soạn.

Chọn C.

18. B

Kiến thức: To V/ V_ing

Giải thích:

- A. visits (V_s): thăm
- B. visit (v): thăm
- C. going (V_ing): đi
- D. go (v): đi (go to + địa điểm)

want + to V_infinite: muốn làm gì

Tạm dịch: Tôi rất muốn đến thăm Vịnh Hạ Long khi đại dịch kết thúc.

Chọn B.

19. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. build (v): xây dựng
- B. express (v): bộc lộ
- C. decorate (v): trang trí
- D. decide (v): quyết định

Tạm dịch: Chúng tôi thường trang trí nhà bằng những loại cây, hoa nhiều màu sắc vào dịp Tết.

Chọn C.

20. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. some + N đếm được dạng số nhiều/ N không đếm được: một ít (dùng trong câu khẳng định, câu mời mọc)
- B. a bottle + of something: một chai
- C. a can + of something: một lon
- D. any + N đếm được dạng số nhiều/ N không đếm được: một ít/ chút (dùng trong câu phủ định, nghi vấn)

Tạm dịch: Nam ơi, cậu kiểm tra tủ lạnh giùm tớ nhé! Có còn chút sữa nào không?

Chọn D.

21. C

Kiến thức: To V/ V_ing

Giải thích:

- A. stay (v): ở tại
 - B. stays (V_s): ở tại
 - C. living (V_ing): sống
 - D. lives (V_s): sống
- like + V_ing: thích làm gì

I like (21) living here because of many interesting things in my neighbourhood.

Tạm dịch: Tôi thích sống ở đây vì nhiều điều thú vị trong khu phố.

Chọn C.

22. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. buildings (n): những toà nhà
- B. building (n): toà nhà

C. shop (n): cửa hàng

D. store (n): cửa hàng

=> many + N đếm được dạng số nhiều: nhiều ...

There are many tall (22) **buildings** and big houses here.

Tạm dịch: Ở đây có rất nhiều nhà cao tầng và những ngôi nhà lớn.

Chọn A.

23. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. inconvenient (adj): không thuận tiện

B. comfort (n): sự thoải mái

C. impossible (adj): bất khả thi

D. convenient (adj): thuận tiện

My neighbourhood also has many stores, two markets, a post office, a bank, a stadium so it is very (23)

convenient for local people.

Tạm dịch: Khu tôi ở cũng có nhiều cửa hàng, hai cái chợ, một cái bưu điện, một ngân hàng, một cái sân vận động nên rất thuận tiện cho người dân địa phương.

Chọn D.

24. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. comfortable (adj): thoải mái

B. stinky (adj): có mùi khó chịu, tẻ

C. beautiful (adj): đẹp

D. warm (adj): ấm áp

In my neighbourhood there is a big flower field with many kinds of flowers, therefore it is very (24)

beautiful in the spring.

Tạm dịch: Ở xóm tôi có một cánh đồng hoa lớn với nhiều loại hoa do đó nó rất đẹp vào mùa xuân.

Chọn C.

25. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. unfriendly (adj): không thân thiện

B. helpful (adj): có ích, hay giúp đỡ

C. cruel (adj): độc ác

D. rude (adj): thô lỗ

Moreover the people here are friendly and (25) **helpful**.

Tạm dịch: Hơn nữa người dân ở đây rất thân thiện và hay giúp đỡ mọi người.

Chọn B.

Dịch bài đọc:

Khu phố của tôi ở ngoại ô thành phố Đà Nẵng. Tôi thích sống ở đây vì nhiều điều thú vị trong khu phố. Ở đây có rất nhiều nhà cao tầng và những ngôi nhà lớn. Khu tôi ở cũng có nhiều cửa hàng, hai cái chợ, một cái bưu điện, một ngân hàng, một cái sân vận động nên rất thuận tiện cho người dân địa phương. Xung quanh đây có nhiều cây xanh nên không khí rất trong lành. Ở xóm tôi có một cánh đồng hoa lớn với nhiều loại hoa do đó nó rất đẹp vào mùa xuân. Hơn nữa người dân ở đây rất thân thiện và hay giúp đỡ mọi người. Những vị khách luôn đến thăm khu phố của tôi và họ muốn ở lại đây lâu hơn.

26. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo các chuyên gia, trẻ em _____.

- A. không nên học ngoại ngữ
- B. nên học hai ngoại ngữ
- C. không nên học nhiều hơn hai ngoại ngữ
- D. chỉ nên học một ngoại ngữ

Thông tin: Experts think that it is a good idea for children to learn not just one, but two foreign languages.

Tạm dịch: Các chuyên gia cho rằng việc cho trẻ học không chỉ một mà hai ngoại ngữ là ý tưởng tuyệt vời.

Chọn B.

27. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ “**they**” in đậm ám chỉ điều gì?

- A. children (n): trẻ em
- B. cultures (n): các nền văn hóa
- C. languages (n): các ngôn ngữ
- D. experts (n): các chuyên gia

Thông tin: **They** say that learning two foreign languages develops children's minds and increases their knowledge of other culture.

Tạm dịch: Họ nói rằng việc học hai ngoại ngữ sẽ phát triển trí não của trẻ em và nâng cao hiểu biết của chúng về các nền văn hóa khác.

Chọn D.

28. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Trẻ em nên học _____.

- A. hai ngoại ngữ giống nhau
- B. hai ngoại ngữ hoàn toàn khác nhau
- C. tất cả các phương án khác đều đúng
- D. một ngôn ngữ

Thông tin: The experts also believe that the two foreign languages children learn should be completely different from one another, for example, English and Chinese, or French and Japanese.

Tạm dịch: Các chuyên gia cũng cho rằng hai ngoại ngữ mà trẻ em học nên hoàn toàn khác nhau, chẳng hạn như tiếng Anh và tiếng Trung, hoặc tiếng Pháp và tiếng Nhật.

Chọn B.

29. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Điều nào sau đây không đúng?

- A. Học ngoại ngữ rất tốt cho trẻ em.
- B. Trẻ em nên bắt đầu học ngoại ngữ từ khoảng sáu tuổi.
- C. Trẻ em nên bắt đầu học ngoại ngữ sớm.
- D. Trẻ em nên bắt đầu học ngoại ngữ muộn.

Thông tin: In addition, they say that children should start to learn foreign languages as early as possible, from the age of about six.

Tạm dịch: Ngoài ra, họ nói rằng trẻ em nên bắt đầu học ngoại ngữ càng sớm càng tốt, từ khoảng sáu tuổi.

Chọn D.

30. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo các chuyên gia, khi nào trẻ nên bắt đầu khám phá một ngôn ngữ mới?

- A. càng sớm càng tốt
- B. khoảng sáu tuổi
- C. không được đề cập
- D. khoảng bảy tuổi.

Thông tin: In addition, they say that children should start to learn foreign languages as early as possible, from the age of about six.

Tạm dịch: Ngoài ra, họ nói rằng trẻ em nên bắt đầu học ngoại ngữ càng sớm càng tốt, từ khoảng sáu tuổi.

Chọn A.

Dịch bài đọc:

Các chuyên gia cho rằng việc cho trẻ học không chỉ một mà hai ngoại ngữ là ý tưởng tuyệt vời. Họ nói rằng việc học hai ngoại ngữ sẽ phát triển trí não của trẻ em và nâng cao hiểu biết của chúng về các nền văn hóa khác. Các chuyên gia cũng cho rằng hai ngoại ngữ mà trẻ em học nên hoàn toàn khác nhau, chẳng hạn như tiếng Anh và tiếng Trung, hoặc tiếng Pháp và tiếng Nhật. Ngoài ra, họ nói rằng trẻ em nên bắt đầu học ngoại ngữ càng sớm càng tốt, từ khoảng sáu tuổi.

31.

Kiến thức: So sánh nhất

Giải thích:

So sánh nhất với tính từ ngắn: S + be + the + adj_est + N

Sửa: tall => tallest

Tạm dịch: Tuy nhỏ tuổi nhất nhưng Nam lại là người cao nhất trong gia đình.

Đáp án: tall => tallest

32.

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

Because + S + V, S + V: Bởi vì ...

Although + S + V, S + V: Mặc dù ...

Sửa: Because => Although

Tạm dịch: Mặc dù Mary nghe đi nghe lại bài hát đó nhiều lần nhưng cô ấy không bao giờ cảm thấy nhàm chán.

Đáp án: Because

33.

Kiến thức: Lượng từ

Giải thích:

any + N đếm được dạng số nhiều/ N không đếm được: một chút (dùng trong câu phủ định, nghi vấn)

some + N đếm được dạng số nhiều/ N không đếm được: một vài (dùng trong câu khẳng định, mời mọc)

Sửa: any => some

Tạm dịch: Bạn có muốn một ít sữa chua sau bữa tối không? Mẹ tớ vừa làm một ít.

Đáp án: any

34.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

should + (not) + V_infinite: (không) nên làm gì

Sửa: should => shouldn't

Tạm dịch: Trẻ em không nên thức khuya vì chúng sẽ cảm thấy mệt mỏi vào ngày hôm sau.

Đáp án: should

35.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu**Giải thích:**

should + (not) + V_infinite: (không) nên làm gì

Sửa: shouldn't => should

Tạm dịch: Cha mẹ tôi luôn bảo chúng tôi rằng chúng tôi nên tôn trọng ý kiến của người khác và đối xử tốt với mọi người xung quanh.**Đáp án:** shouldn't

36.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu**Giải thích:**

S + should + (not) + V_infinite: Ai đó (không) nên làm gì

Tạm dịch: Sẽ rất tốt nếu chúng ta có thể dùng ít túi ni lông hơn.

= Chúng ta nên dùng ít túi ni lông hơn.

Đáp án: use less plastic bags.

37.

Kiến thức: So sánh hơn**Giải thích:**

So sánh hơn với tính từ dài: S1 + be + more + adj + than + S2

boring (adj): chán >< interesting (adj): thú vị

Tạm dịch: Peter cho rằng đọc sách còn chán hơn xem phim.

= Peter cho rằng xem phim thú vị hơn đọc sách.

Đáp án: watching movies is more interesting than reading books.

38.

Kiến thức: Cấu trúc viết lại câu**Giải thích:**

Cấu trúc: There + be + _____ + in + địa điểm: Có cái gì ở đâu

= Địa điểm + have/ has + _____: Ở đâu có cái gì

Tạm dịch: Có 25 phòng học trong trường của chúng tôi.

= Trường chúng tôi có 25 phòng học.

Đáp án: has twenty-five classrooms.

39.

Kiến thức: Cấu trúc viết lại câu**Giải thích:**

Cấu trúc: It + is + adj + of + somebody + to V_infinite: Ai đó thật làm sao khi làm gì

S + mustn't + V_infinite: Ai đó không được làm gì

Tạm dịch: Học sinh sao chép bài của người khác trong kì thi là sai.

= Học sinh không được chép bài của người khác trong kì thi.

Đáp án: not copy others' answers during examinations.

40.

Kiến thức: So sánh hơn

Giải thích:

So sánh hơn với tính từ ngắn: S1 + be + adj_er + than + S2

noisy (adj): ồn ào >< quiet (adj): yên tĩnh

my neighbourhood = mine

Tạm dịch: Khu nhà tớ ở ồn ào hơn khu nhà bạn.

= Khu nhà bạn ở yên tĩnh hơn khu nhà tớ.

Đáp án: is quieter than mine.